

Bản án số: 135/2026/HS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Dương Thị N do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2026/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Dương Thị N, sinh ngày 01/01/1969 tại Cần Thơ; nơi cư trú: khu vực B, phường P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn L (còn sống) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có chồng là Hồ Văn H và có 02 người con (người con lớn sinh năm 1990, người con nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:

1/ Bà Trần Thị X, sinh năm: 1959 (chị ruột bị hại) (có mặt)

2/ Trần Thị T (chị ruột bị hại) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số A V, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị X và bà Trần Thị T:

1/ Ông Nguyễn Sĩ B - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt).

2/ Ông Huỳnh N1 - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Trọng N2 - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/9/2025, bị cáo Dương Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65D1-405.21 lưu thông trên làn đường của xe mô tô, đến đoạn Km14+750 thuộc khu vực B, phường P, thành phố Cần Thơ, do không tập trung quan sát nên không phát hiện bà Trần Thị K đang đi bộ cùng chiều phía trước, dẫn đến va chạm vào người của bà K làm bà K té ngã xuống đường. Sau khi va chạm, bị cáo N không bị ngã xe nên tiếp tục điều khiển xe chạy về nhà và không kể lại cho ai biết sự việc. Bà K được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến ngày 26/9/2025 thì tử vong. Qua trích xuất camera, ngày 05/10/2025 cơ quan Công an mời bị cáo N lên làm việc, bị cáo N đã thừa nhận hành vi gây tai nạn giao thông.

Kết luận giám định tử thi số 1399/KLGĐTT-KTHS ngày 21/10/2025 của Phòng K1 Công an thành phố C kết luận: nguyên nhân tử vong của Trần Thị K là do chấn thương sọ não.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là Quốc lộ I tại Km14+750 thuộc khu vực B, phường P, thành phố Cần Thơ, mặt đường được tráng nhựa, thẳng, có chiều rộng 11 mét, ở giữa có vạch kẻ đường sơn màu vàng không liền nét, chia mặt đường thành hai phần đường, mỗi phần đường rộng 5,5m, ở mỗi phần đường có vạch kẻ đường sơn màu trắng liền nét, chia phần đường thành hai làn đường, làn đường xe mô tô rộng 2m và làn đường xe ô tô rộng 3,5m, chọn hướng từ phường Ô đi phường T làm hướng chuẩn, chọn hướng đường bên phải theo hướng chuẩn làm lề chuẩn. Khu vực va chạm được xác định nằm trên làn đường của xe mô tô, cách lề chuẩn 1,25m.

Kết quả điều tra xác định: lỗi là do bị cáo N điều khiển xe không tập trung quan sát để đảm bảo an toàn, khi điều khiển phương tiện không có giấy phép lái xe theo quy định, sau khi gây tai nạn đã bỏ trốn, không cứu giúp nạn nhân, vi phạm khoản 1, khoản 26 và khoản 28 Điều 9 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Quá trình điều tra bị cáo N đã thành khẩn nhận tội; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho gia đình nạn nhân.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình nạn nhân yêu cầu bồi thường tổng số tiền 918.521.061 đồng, bị cáo N đã bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 83.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự số 53/2026/HS – ST ngày 09/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Áp dụng: điểm a, c khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Dương Thị N: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 591 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện gia đình bị hại về việc đòi bị cáo bồi thường số tiền tổng cộng 918.521.061 đồng:

+ Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình người bị hại tổng cộng là 83.500.000 đồng.

+ Bị cáo có nghĩa vụ trả tiếp tục cho gia đình người bị hại tiền chi phí điều trị, chi phí lưu xác tại bệnh viện T2 là: 20.784.322 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của đại diện người bị hại về việc đòi bị cáo bồi thường số tiền: 814.236.738 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 22/6/2026 đại diện hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị X và bà Trần Thị T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền 918.521.061 đồng theo yêu cầu của gia đình bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các lý do: Bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển xe tham gia giao thông, sau khi gây tai nạn đã không cứu giúp người bị nạn. Khi Công an làm việc với bị cáo, bị cáo không thừa nhận hành vi. Vì vậy, đề nghị xem xét tăng nặng hình phạt và buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền 918.521.061 đồng.

- Bị cáo trình bày: Không thống nhất với yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại do bị cáo không có khả năng bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị X, bà Trần Thị T trình bày:*

Về hình phạt: xét thấy sau khi bị cáo gây tai nạn đã không cứu giúp và cũng không hô hoán nhờ người cứu giúp nạn nhân. Bị cáo cũng không nói cho ai biết sự việc. Sau khi Công an trích xuất camera mới xác định ra bị cáo. Bản thân bị cáo không có giấy phép lái xe nhưng vẫn tham gia giao thông. Ban đầu làm

việc với Công an bị cáo không thừa nhận hành vi nên việc áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Từ thái độ thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Thừa nhận gia đình của bị cáo đã bồi thường số tiền 83.500.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự, Điều 9 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định bồi thường tổn thất về tinh thần. Ngoài ra, bị hại mất 54 tuổi thì còn 10 năm mới hết tuổi lao động. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại.

- Bà Trần Thị X thống nhất với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, số tiền bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại và số tiền cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phải tiếp tục bồi thường, lý do kháng cáo tăng hình phạt và tăng mức bồi thường của người đại diện hợp pháp của bị hại. Từ đó xét thấy về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với quan điểm của Luật sư: Ban đầu bị cáo đã không thừa nhận hành vi đã gây ra tai nạn nhưng sau đó bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ hướng dẫn Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

+ Về bồi thường tổn thất tinh thần và bồi thường thu nhập bị mất, bị giảm sút. Xét thấy pháp luật quy định bồi thường tổn thất tinh thần chỉ đối với hàng thừa kế thứ nhất, bị hại không có chồng, con, không còn ai ở hàng thừa kế thứ nhất nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường của bị cáo. Về yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất, bị giảm sút là không có căn cứ.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 25/9/2025, bị cáo Dương Thị N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65D1-405.21 lưu thông trên làn đường của xe mô tô, đến đoạn Km14+750 thuộc khu vực B, phường P, thành phố Cần Thơ, do không tập trung quan sát nên không phát hiện bà Trần Thị K đang đi bộ cùng chiều phía trước, dẫn đến va chạm vào người của bà K làm bà K té ngã xuống đường. Sau khi va chạm, bị cáo N không bị ngã xe nên tiếp tục điều khiển xe chạy về nhà và không kể lại cho ai biết sự việc. Bà K được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến ngày 26/9/2025 thì tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 1399/KLGĐTT-KTHS ngày 21/10/2025 của Phòng K1 Công an thành phố C kết luận: nguyên nhân tử vong của Trần Thị K là do chấn thương sọ não.

Hành vi của bị cáo điều khiển xe không tập trung quan sát để đảm bảo an toàn, khi điều khiển phương tiện không có giấy phép lái xe theo quy định, sau khi gây tai nạn đã bỏ trốn, không cứu giúp nạn nhân là vi phạm khoản 1, khoản 26 và khoản 28 Điều 9 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hành vi nêu trên của bị cáo N gây hậu quả gây chết người, đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo tăng nặng hình phạt của đại diện hợp pháp của bị hại, xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, làm thiệt hại đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang lo sợ cho những người tham gia giao thông. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rất rõ khi tham gia giao thông đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật để đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản của bản thân bị cáo và của những người tham gia giao thông khác nhưng vì xem thường pháp luật, bị cáo đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển phương tiện tham gia giao thông; khi tham gia giao thông đã không chú ý quan sát; sau khi gây tai nạn, bị cáo bỏ mặc không cứu giúp bị hại và có hành vi trốn tránh trách nhiệm. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù là cần thiết nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục bản thân đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên sự việc xảy ra ngoài mong muốn của bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 83.500.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã xem xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn từ

đó quyết định mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp, đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật.

Do đó, kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị X và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị X đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự là không phù hợp quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 918.521.061 đồng gồm:

- 1/ Tiền viện phí, thuê xe Bệnh viện Ô: 1.350.000 đồng
- 2/ Tiền viện phí, pho to tài liệu ở Bệnh viện Đ: 4.301.061 đồng.
- 3/ Chi phí tại Bệnh viện Đ với số tiền 20.500.000 đồng gồm: Lưu nhà đại thể: 10 ngày x 1.750.000 đồng = 17.500.000 đồng; xe đưa về nhà 500.000 đồng; chăm sóc mua đồ mỗ tử thi: 2.000.000 đồng; thầy chùa rước vong về nhà 500.000 đồng
- 4/ Rước vong từ B - về nhà: Tiền xe: 500.000 đồng; công đức thầy chùa: 500.000 đồng; lễ cúng: 200.000 đồng
- 5/ Tiền xe, xăng, ăn uống của gia đình tiếp đám: 5.000.000 đồng.
- 6/ Thu nhập thực tế bị mất của người thân dự đám: 8.000.000 đồng
- 7/ Chi phí gia đình đi xác minh vụ việc: 2.000.000 đồng.
- 8/ Tiền cúng thất: 18.220.000 đồng, trong đó, S thất là 8.400.000 đồng; thất thứ 7: 4.810.000; cúng 100 ngày: 5.010.000 đồng.
- 9/ Lập bàn thờ, di ảnh: 1.850.000 đồng
- 10/ Chi phí tiếp khách: 5.000.000 đồng
- 11/ Đèn dầu, nhang của năm đầu: 2.100.000 đồng
- 12/ Giỗ đầu: 3.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 72.521.000 đồng
- 13/ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 100 lần lương cơ sở: 234.000.000 đồng.
- 14/ Thu nhập bị mất của bị hại, tính đến hết tuổi lao động: 10 năm x 61.200.000 đồng/năm= 612.000.000 đồng.

Xét thấy tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự quy định thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm gồm: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại điều 590 của Bộ luật Dân sự; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại cấp dưỡng; thiệt hại khác do luật quy định. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 591 của Bộ luật D còn quy định bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần. Tuy nhiên:

- Đối với chi phí hợp lý cho việc mai táng, căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định gồm các khoản tiền “*mua quan tài; chi phí hỏa táng, chôn cất; các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo phong tục, tập quán địa phương. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ*”.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Trần Bùi Tiến D1 (con ruột của bà Trần Thị T1 - là chị, em ruột của bà X, bà T), đã thuê mướn dịch vụ ma chay cho bà K với chi phí 54.000.000 đồng, trong đó có nhiều khoản không hợp lý và tiền thuê mai táng 3.380.000 đồng. Tổng cộng 57.380.000 đồng, bị cáo thống nhất bồi thường toàn bộ số tiền này.

Còn lại những khoản chi phí bà X, bà T yêu cầu, đối chiếu với quy định của pháp luật thì những chi phí hợp lý để được chấp nhận gồm: tiền viện phí, thuê xe Bệnh viện Ô: 1.350.000 đồng; tiền viện phí, pho to tài liệu ở Bệnh viện Đ: 4.301.061 đồng; chi phí tại Bệnh viện Đ: 20.000.000 đồng (trong đó lưu nhà đại thể: 17.500.000 đồng; xe đưa về nhà 500.000 đồng; chăm sóc mua đồ mỗ tử thi: 2.000.000 đồng).

- Đối với yêu cầu bồi thường về khoản thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút cho người bị thiệt hại được quy định trong phần bồi thường “Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, theo quy định tại điều 590 của Bộ luật dân sự”. Căn cứ khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm tính từ ngày người bị thiệt hại bị xâm phạm sức khỏe cho đến khi người đó chết. Do bị hại bị thương ngày 25/9/2025 đến ngày 26/9/2025 thì chết nên không phát sinh thiệt hại thực tế bị mất, bị giảm sút cho người bị thiệt hại.

- Đối với khoản tiền tổn thất tinh thần, căn cứ khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự quy định cho hàng thừa kế thứ nhất, xét thấy hàng thừa kế thứ nhất của bị hại không còn ai, không có người trực tiếp nuôi dưỡng bị hại và bị hại cũng không trực tiếp nuôi dưỡng ai nên không phát sinh nghĩa vụ của bị cáo phải bồi thường.

Như vậy xác định tổng chi phí hợp lý bị cáo phải bồi thường 83.531.061 đồng. Bị cáo thống nhất bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 104.284.500 đồng, trong đó đã giao cho bà X 20.000.000 đồng, anh D1 63.500.000 đồng. Bị cáo tự nguyện tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.784.500 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo để tuyên bị cáo tiếp tục có trách nhiệm bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 20.784.500 đồng là đã có lợi cho gia đình bị hại. Do đó, kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị bị cáo tăng mức bồi thường thiệt hại là không có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo N là phù hợp. Đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết mới để chứng minh

cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và về trách nhiệm dân sự.

[6] Xét quan điểm của đại Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện của bị hại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2026/HS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ về hình phạt và về trách nhiệm dân sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

2. Căn cứ: điểm a, c khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thị N: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 591 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng cho gia đình người bị hại tổng cộng là 83.500.000 đồng.

Bị cáo phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại tiền chi phí điều trị, chi phí lưu xác tại bệnh viện tổng cộng là: 20.784.322 đồng (hai mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi hai đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của đại diện người bị hại về việc đòi bị cáo bồi thường số tiền: 814.236.738 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đại diện hợp pháp của bị hại cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- CQCSĐT Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS Công an thành phố Cần Thơ;
- Phòng HSNV Công an thành phố Cần Thơ;
- TAND, VKSND, Phòng THADS khu vực 2 – Cần Thơ;
- Bị cáo; Đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ